

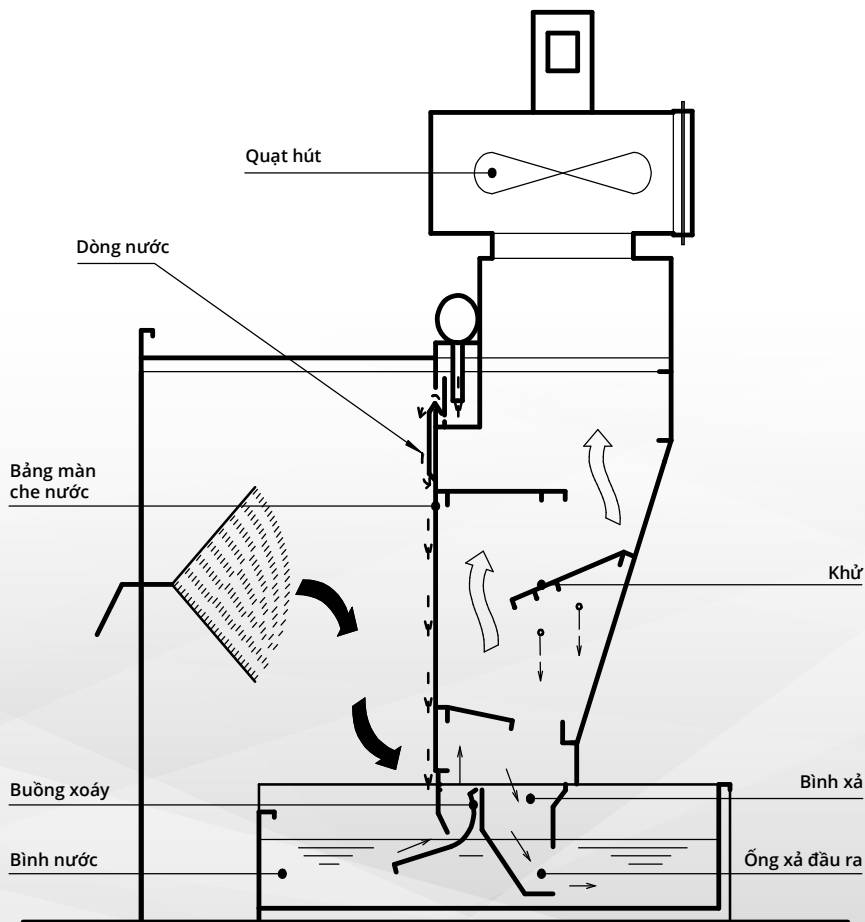
### Nguyên lý thu sương mù sơn

Quạt thông gió sẽ hút sương mù sơn cùng với không khí, sương mù sơn va đập với màng nước tại mặt bán nguyệt của buồng xoáy bởi lực ly tâm, và bị thu lại. Sương mù sơn không va đập với màng nước, sẽ va đập với các giọt nước phát sinh tại đầu buồng xoáy, và được thu lại.

Lượng sương mù sơn còn lại với đường kính nhỏ hơn không được thu lại thì bị hút ra ngoài cùng với

khí. Sương mù sơn có đường kính nhỏ hơn được thu lại bằng lực quán tính, trọng lượng riêng càng nhỏ thì càng khó để thu lại.

Các giọt nước va đập với 3 thiết bị khử và được thu về phía trước của bình nước qua ống hồi. Buồng này thu được phần nhỏ của chất rắn hay lỏng nhưng không thu được các dung môi hữu cơ bay hơi, do đó nó không có chức năng khử mùi.



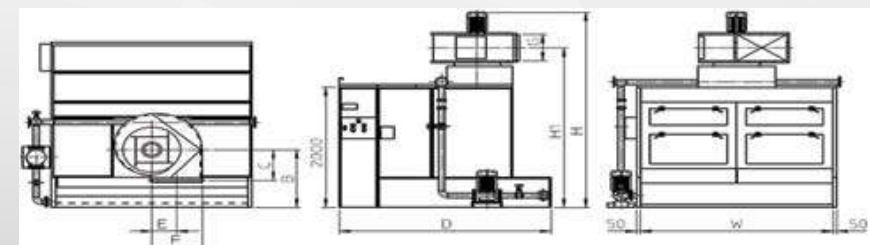
### Phòng Sơn Venturi Series VBW

Thông số

Mục		Model	VBW-15	VBW-20	VBW-25	VBW-30	VBW-40
Hiệu suất (%)	sơn melanin		99.5% (Số liệu tham khảo)				
	sơn lacquer		97.0% (Số liệu tham khảo)				
	sơn acrylic		97.7% (Số liệu tham khảo)				
	sơn urethane		95.7% (Số liệu tham khảo)				
Độ ồn dB(A)	Trước	1.5m	82	81	82	84	84
	Bên cạnh		75	78	79	78	83
Vận hành liên tục không cần cấp thêm nước			Khoảng 7 tiếng hoặc hơn				
Quạt thông gió	Model		Quạt Tubor và Motor quạt				
	Đếm		#4 #4-1/2				
	Lưu lượng hút (m <sup>3</sup> /phút)		110	145	180	215	290
	Vận tốc hút (m/giây)		0.6				
	Model động cơ		Kiểu quạt làm mát kín				
Bơm	Công suất (KW)		3.7		5.5		11
	Model		Bơm chính và động cơ				
	Lỗ		50A		65A		
Model động cơ		Loại quạt làm lạnh kín hoàn toàn (Loại thẳng đứng 2P)					
Công suất (KW)		1.5					
Cửa làm sạch phía sau			2 vị trí		4 vị trí		
Bảng điều khiển			Kiểu công tắc điện từ				
Màu sơn chính của thân			N-7.5				
Lưu lượng nước (lít)			945	1260	1575	1890	2520
Trọng lượng thân chính (kg)			840	930	1040	1100	1240
Trọng lượng bao gồm cả nước (kg)			1785	2190	2615	2990	3760

Kích thước (mm)

Mục		Model	VBW-15	VBW-20	VBW-25	VBW-30	VBW-40
Kích cỡ thân chính	Rộng		1500	2000	2500	3000	4000
	Dài		2750 (bình nước 2250)				
	Cao		3225	3225	3275	3275	3430
Quạt thông gió	Chiều cao chính giữa quạt (H1)		2660				2687
	B		960				960
	C		510				550
	E		325				364
	Mặt bích kép (F×G)		652×441				730×540



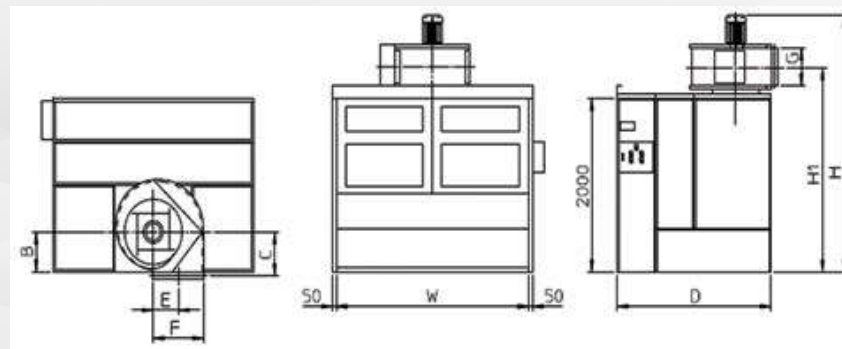
### Phòng Sơn Venturi Series VB

Thông số

Mục		Model	VB-15D	VB-20D	VB-25D	VB-30D	VB-40D
Hiệu suất (%)	sơn melanin		97.0% (Số liệu tham khảo)				
	sơn lacquer		96.0% (Số liệu tham khảo)				
	sơn acrylic		93.0% (Số liệu tham khảo)				
	sơn urethane		95% (Số liệu tham khảo)				
Độ ồn dB(A)	Trước	1.5m	84	84	85	86	88
	Bên cạnh		79	76	78	80	84
Vận hành liên tục không cần cấp thêm nước			Khoảng 7 tiếng hoặc hơn				
Quạt thông gió	Model		Quạt Tubor và Motor quạt				
	Đếm		#3	#4			#4-1/2
	Lưu lượng hút (m <sup>3</sup> /phút)		110	145	180	215	290
	Vận tốc hút (m/giây)		0.6				
	Model động cơ		Kiểu quạt làm lạnh kín				
	Công suất (kW)		3.7	5.5			11
Cửa làm sạch phía sau			2 vị trí		4 vị trí		
Bảng điều khiển			Kiểu công tắc điện tử				
Màu sơn chính của thân			N-7.5				
Lưu lượng nước (l)			890	1195	1480	1780	2365
Trọng lượng thân chính (kg)			640	740	850	1540	1200
Trọng lượng bao gồm cả nước (kg)			1530	1935	2330	3320	3565

Kích thước (mm)

Mục		Model	VB-15	VB-20	VB-25	VB-30	VB-40
Kích cỡ thân chính	Rộng		1500	2000	2500	3000	4000
	Dài		2000				
	Cao		2890	2890	2995	2995	3100
Quạt thông gió	Chiều cao chính giữa của quạt (H1)		2357		2385		2412
	B		390	460			500
	C		437	510			550
	E		285	325			364
	Mặt bích kép (F×G)		572×386	652×441			730×496



### Phòng Sơn Baffle Series SBB

Thông số

Mục		Model	SBB-15D	SBB-20D	SBB-25D	SBB-30D	SBB-40D
Quạt thông gió	Model		Quạt Tubor và Motor quạt				
	Đếm		#3	#4			#4-1/2
	Lưu lượng hút (m <sup>3</sup> /phút)		110	145	180	215	290
	Vận tốc hút (m/giây)		0.6				
	Model Động cơ		Kiểu quạt làm lạnh kín				
	Công suất (KW)		3.7	5.5			11
Bảng điều khiển			Kiểu công tắc điện tử				
Màu sơn chính của thân			N-7.5				
Trọng lượng thân chính (kg)			260	300	355	445	525

Kích thước (mm)

Mục		Model	SBB-15D	SBB-20D	SBB-25D	SBB-30D	SBB-40D
Kích cỡ thân chính	Rộng		1500	2000	2500	3000	4000
	Dài		2000				
	Cao		2890	2890	2995	2995	3100
Quạt thông gió	Chiều cao chính giữa quạt (H1)		2357		2385		2412
	B		390	460			500
	C		437	510			550
	E		285	325			364
	Mặt bích kép (F×G)		572×386	652×441			730×496

Nguyên lý thu sương mù sơn

Nguyên lý thu cơ bản sương mù sơn của phòng này là sự va chạm giữa sương mù sơn với tấm gom và lọc của bộ lọc. Sương mù sơn bị quạt hút cùng với khí, nó va đập và được thu lại khi đi qua tấm chắn (tấm chắn không gỉ). Sương mù sơn có đường kính nhỏ hơn không va đập với tấm chắn thì được lọc và thu lại khi nó đi qua bộ lọc, sương mù sơn không được thu lại thì được thải ra ngoài cùng với khí qua đường ống. Buồng này thu được phần nhỏ của chất rắn hay lỏng nhưng không thu được các dung môi hữu cơ bay hơi, do đó nó không có chức năng khử mùi.

